

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: LDA

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Trụ sở chính của Trường: Số 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội;
- Cơ sở 2: Km 2 + 900, Đường tỉnh lộ 376, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://dhcd.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 024.38512713; 024.38574419.

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://dhcd.edu.vn/b/ts-dai-hoc-cao-dang/QUY-CHE-TUYEN-SINH-DAI-HOC-NAM-2023.html>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

- Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://dhcd.edu.vn/cm/tuyen-sinh.html>

- Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://dhcd.edu.vn/cm/tuyen-sinh.html>;
<http://dhcd.edu.vn/b/Tin-Khac/CHUONG-TRINH-DAO-TAO-DAI-HOC-.html>

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://dhcd.edu.vn/b/Tin-Khac/BAO-CAO-KHAOSAT-TINH-HINH-VIEC-LAM-CUA-SINH-VIEN-TOT-NGHIEP.html>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT và tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định và không trong thời gian xét xử, thi hành án hình sự.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

2.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (mã phương thức xét tuyển 301):

Số lượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: không giới hạn chỉ tiêu;

* **Xét tuyển thẳng:**

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: thí sinh phải đáp ứng những quy định tại Điều 8 - Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Công đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-ĐHCD ngày 21/3/2023, cụ thể:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Trường quy định.

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc giải nhất thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, đoạt giải;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, đoạt giải.

- Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo mẫu của Bộ GD&ĐT);

+ Giấy chứng nhận đạt giải (bản sao công chứng);

+ Học bạ THPT (bản sao công chứng);

+ Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân (bản photo).

* **Ưu tiên xét tuyển:** Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào Trường như sau:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT;

+ Môn đạt giải là môn có trong tổ hợp môn xét tuyển của ngành thí sinh đăng ký;

+ Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của ngành đăng ký.

2.2. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (mã phương thức xét tuyển 100): thí sinh đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.3. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (mã phương thức xét tuyển 200):

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm cả năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng của ngành đăng ký đạt từ **21,0** điểm trở lên.

- Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = M1 + M2 + M3 + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên}$$

Riêng các ngành có môn Tiếng Anh nhân hệ số 2, điểm xét tuyển được quy về thang 30:

$$\text{ĐXT} = (M1 + M2 + \text{Tiếng Anh} * 2) * 3/4 + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên}$$

Trong đó:

- + ĐXT: điểm xét tuyển không quá 30 điểm;
- + M1, M2, M3: là điểm cả năm lớp 12 của các môn học thuộc tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân (sau dấu phẩy hai số);
- + Điểm ưu tiên: điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành;
- + Điểm cộng: thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển (IELTS $\geq 5,0$ hoặc TOEIC ≥ 550 hoặc TOEFL ITP ≥ 463 hoặc TOEFL iBT (không bao gồm bản Home edition) ≥ 50), **được cộng 03 điểm**.

- Hồ sơ xét tuyển với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

- + Phiếu đăng ký xét tuyển (có mẫu phiếu ĐKXT học bạ kèm theo);
- + Học bạ THPT (bản sao công chứng);
- + Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định (bản sao công chứng);
- + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- + Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân (bản photo).

2.4. Xét tuyển theo đơn đặt hàng (mã phương thức xét tuyển 500):

Xét tuyển theo văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thỏa thuận của Bộ ngành, UBND các tỉnh và doanh nghiệp;

Chỉ tiêu đào tạo đối với tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học thuộc chỉ tiêu chính quy của Trường Đại học Công đoàn, căn cứ nhu cầu đặt hàng của các đơn vị và khả năng đáp ứng của Trường, Trường sẽ phân bổ lại chỉ tiêu tuyển sinh giữa các ngành cho phù hợp;

Chi phí đào tạo: Do đơn vị đặt hàng và người học chi trả, trên cơ sở thoả thuận giữa Trường Đại học Công đoàn và các đơn vị. Thông tin chi tiết Nhà trường sẽ có thông báo cụ thể trên website <http://dhcd.edu.vn>.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

* Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2025:

Những thí sinh tham gia thi và có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Công đoàn (*Nhà trường sẽ thông báo khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025*);

Đối với ngành Luật: điểm môn Toán, Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển $\geq 6,0$ và tổng điểm xét tuyển tối thiểu $\geq 18,0$.

* Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

Thí sinh có tổng điểm cả năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng của ngành đăng ký xét tuyển đạt từ **21,0 điểm** trở lên.

3.2. Điểm trúng tuyển

- Điểm xét tuyển các phương thức được quy đổi về thang điểm 30.

- Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển: khi có kết quả và phổ điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025, Nhà trường sẽ công bố công thức quy đổi.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

4.1. Danh sách các ngành/ chương trình tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	60	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79)	Điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2
2.	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	100	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25)	
3.	7310301	Xã hội học	7310301	Xã hội học	150	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: C00, C03, C07, D01, D14, X70)	
4.	7310630	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	80	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79)	
5.	7320105	Truyền thông đại chúng	7320105	Truyền thông đại chúng	100	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
6.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	340	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25)	
7.	7340101P	Quản trị kinh doanh (chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOP)	7340101	Quản trị kinh doanh	60	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25)	Điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2
8.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	260	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25)	
9.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	310	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25)	
10.	7340404	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	310	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25)	
11.	7340408	Quan hệ lao động	7340408	Quan hệ lao động	130	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25)	
12.	7380101	Luật	7380101	Luật	200	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: C00, C03, C07, D01, D14, X70)	Điểm xét môn Toán, Văn $\geq 6,0$

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
13.	7460108	Khoa học dữ liệu	7460108	Khoa học dữ liệu	80	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A00, A01, A03, C01, D01, X06)	
14.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A00, A01, A03, C01, D01, X06)	
15.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	170	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: C00, C03, C07, D01, D14, X70)	
16.	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	100	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: D01, D11, D12, D14, D15, X79)	
17.	7850201	Bảo hộ lao động	7850201	Bảo hộ lao động	180	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng; - Phương thức 2: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (gồm các tổ hợp: A01, D01, D07, D09, D10, X25); - Phương thức 3: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (gồm các tổ hợp: A00, A01, A03, C01, D01, X06)	

4.2. Danh mục tổ hợp môn xét tuyển:

STT	Mã tổ hợp môn	Danh sách môn
1.	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2.	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3.	A03	Toán, Vật lí, Lịch sử
4.	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
5.	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
6.	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
7.	C07	Ngữ văn, Vật lí, Lịch sử
8.	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
9.	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
10.	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
11.	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
12.	D11	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh
13.	D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh
14.	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
15.	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
16.	X06	Toán, Vật lí, Tin học
17.	X25	Toán, Tiếng Anh, GDKT&PT
18.	X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PT
19.	X79	Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Điểm trúng tuyển theo ngành và theo các tổ hợp môn xét tuyển là như nhau;
- Nguyên tắc xét tuyển: Căn cứ vào điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng, phương thức và tổ hợp

đăng ký xét tuyển; Thí sinh đã trúng tuyển nguyện vọng phía trên không được xét các nguyện vọng tiếp theo;

- Trong trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển thì xét trúng tuyển theo tiêu chí phụ của quy chế: ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

b. Điểm cộng

Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ): Ưu tiên cộng điểm với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển (IELTS $\geq 5,0$ hoặc TOEIC ≥ 550 hoặc TOEFL ITP ≥ 463 hoặc TOEFL iBT (không bao gồm bản Home edition) ≥ 50), được cộng 03 điểm.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Đợt 1: Thời gian đăng ký xét tuyển theo kế hoạch và hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT;

Riêng với thí sinh xét tuyển bằng kết quả học tập bậc THPT (học bạ) có nguyện vọng nộp hồ sơ ưu tiên cộng điểm cần đăng ký và nộp như sau:

+ Thí sinh đăng ký khai thông tin kết quả học tập cấp THPT (học bạ) và các điều kiện ưu tiên, cộng điểm trên hệ thống của Nhà trường bằng hình thức trực tuyến tại địa chỉ <http://dkxt.dhcd.edu.vn>

+ Thời gian khai hồ sơ dự kiến: từ ngày 02/6/2025 đến ngày 10/7/2025;

+ Thời gian công bố kết quả điểm cộng ưu tiên: dự kiến trước ngày 18/7/2025.

- Đợt bổ sung (nếu có): Nhà trường sẽ thông báo trước ngày 29/8/2025 và được đăng thông tin trên website: <http://dhcd.edu.vn>.

7. Chính sách ưu tiên

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 - Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Công đoàn;

- Điểm ưu tiên: điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

8. Lệ phí xét tuyển

- Tất cả các phương thức: Lệ phí đăng ký xét tuyển và xử lý nguyện vọng trên Cổng thông tin của Bộ GD&ĐT hoặc dịch vụ công quốc gia thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ): Lệ phí thu, kiểm tra hồ sơ dự tuyển và chứng chỉ ngoại ngữ (ưu tiên cộng điểm) là 50.000 đồng/hồ sơ.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh:

Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin đăng ký dự tuyển. Nhà trường cam kết hỗ trợ thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro và hỗ trợ giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

10. Các nội dung khác:

- Trường Đại học Công đoàn tổ chức học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng;

- Hàng năm, Nhà trường có cấp học bổng và khen thưởng cho sinh viên theo chính sách của Nhà nước và theo quy định của Nhà trường.



11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	
1.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	430	447	22.8/30	400	407	22.8/30	
2.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	250	264	23.2/30	260	267	23.61/30	
3.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	310	319	23.15/30	310	332	23.6/30	
4.	7340404	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	310	311	22.7/30	310	322	23.19/30	
5.	7340408	Quan hệ lao động	7340408	Quan hệ lao động	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	150	153	17.1/30	150	141	19.95/30	
6.	7380101	Luật	7380101	Luật	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	160	224	23.23/30	180	185	26.38/30	
7.	7220201	Ngôn ngữ Anh *	7220201	Ngôn ngữ Anh *	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	58	66	32.0/40	58	60	33.0/40	
					Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	2	2	26.0/30	2	2	25.75/30	
8.	7310301	Xã hội học	7310301	Xã hội học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	219	20.0/30	200	199	22.75/30	
9.	7310630	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	118	90	16.0/30	117	113	22.5/30	
					Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	2	2	21.0/30	3	3	22.27/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	
10.	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	95	119	22.3/30	96	95	23.4/30	
					Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	5	5	25.7/30	4	4	25.07/30	
11.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	180	21.25/30	200	205	23.75/30	
12.	7850201	Bảo hộ lao động	7850201	Bảo hộ lao động	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	240	148	15.15/30	200	189	15.2/30	
13.	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	-	-	-	97	101	24.63/30	
					Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	-	-	-	3	3	24.13/30	

* Ngành Ngôn ngữ Anh điểm môn Tiếng Anh nhân đôi với diện xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

Cán bộ tuyển sinh



Đinh Văn Trường

(Điện thoại: 0988717486; Email: truongdv@dhcd.edu.vn)



PGS.TS. Lê Mạnh Hùng